

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC NỘI THẤT GK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC NỘI THẤT GK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GK INTERIOR ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GK INTERIOR., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110001038

3. Ngày thành lập: 19/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

234 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438214115

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện trụ sở) trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản.	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển. - Thi công xây dựng công trình	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cận)	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, inox, nhôm, đồng kẽm (trừ bán buôn phế liệu, phế thải kim loại tại trụ sở và trừ mua bán vàng miếng)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở) - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;	4669

15.	Khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	0220
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục, Tư vấn du học (Theo quy định tại Điều 107 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục)	8560
19.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
20.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
21.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
22.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
23.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Sản xuất phần mềm	6201
24.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. - Hoạt động công nghiệp phần cứng - Hoạt động công nghiệp phần mềm - Hoạt động công nghiệp nội dung Điều 8, Điều 9, Điều 10 – Nghị định 71/2007/NĐ-CP: Quy Định Chi Tiết Và Hướng Dẫn Thực Hiện Một Số Điều Của Luật Công Nghệ Thông Tin Về Công Nghiệp Công Nghệ Thông Tin	6209
26.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
27.	Cổng thông tin (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động thông tấn, báo chí)	6312
28.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
29.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: + Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng;	7110

	+ Thiết kế công trình thủy lợi; + Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình Dân dụng, công nghiệp, Hạ tầng kỹ thuật, giao thông đường bộ, thủy lợi, thủy điện; + Khảo sát trắc địa công trình xây dựng; + Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp - Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt (Mục 14, điều 1 – Nghị định 42/2017/NĐ-CP) + Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình xây dựng; + Tư vấn thẩm tra thiết kế (Điều 154 Luật xây dựng năm 2014) + Tư vấn lập, thẩm tra dự toán công trình xây dựng (Điều 156 Luật xây dựng năm 2014) + Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (Điều 152 – Luật xây dựng năm 2014) + Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu (Điều 4 Luật Đấu thầu 2013) + Khảo sát địa chất công trình (Điều 59 Mục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP) + Thiết kế nội thất công trình + Thiết kế xây dựng công trình cầu đường bộ + Thiết kế cơ điện công trình xây dựng + Thiết kế công trình điện đến 35KV + Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật + Lập quy hoạch di tích (Điều 5 Nghị định 166/2018/NĐ-CP) + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng (Điều 41 Nghị định 79/2014/NĐ-CP) + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng, công nghiệp (Điều 38 Nghị định 137/2013/NĐ-CP) + Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu đường bộ (Điều 26 Nghị định 46/2015/NĐ-CP) + Giám sát thi công tu bổ di tích (Điều 14 Nghị định 61/2016/NĐ-CP) + Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ; + Vẽ bản đồ và thông tin về không gian. - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (Điều 152 – Luật xây dựng năm 2014) - Dịch vụ tư vấn đấu thầu Điều 4 – Luật đấu thầu năm 2013) - Tư vấn lập quy hoạch đô thị (Điều 10 – Nghị định 43/2014/NĐ-CP) - Lập quy hoạch đô thị (Điều 10 – Luật Quy hoạch đô thị 2009)	
31.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

32.	Quảng cáo	7310
33.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
37.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
38.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở)	1621
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	1622(Chính)
40.	In ấn	1811
41.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
42.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Quy định tại điều 12 Nghị định 84/2019/NĐ-CP)	2012
43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
44.	Sản xuất linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở)	2610
45.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở)	2620
46.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
47.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
48.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
50.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
51.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
52.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
53.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; (Quy định Điều 7 nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

56.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
57.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động)	7810
58.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
59.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
60.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
65.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
66.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
68.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	3830
69.	Xây dựng nhà để ở	4101
70.	Xây dựng nhà không để ở	4102
71.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
72.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
73.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị Định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
74.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
75.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
76.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
77.	Xây dựng công trình thủy	4291

78.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
79.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
80.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
81.	Phá dỡ	4311
82.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò mìn)	4312
83.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	KHÔNG THỊ GIANG	Căn hộ 709 Chung cư E1 Tòa Bắc, KĐT Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	75,000	0371750000 23	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	75,000		

2	KHÔNG THỊ HÀ	234 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000	037177004085
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000	
3	BÙI THỊ GẮM	234 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	001155000881
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **KHÔNG THỊ GIANG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *27/09/1975*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *037175000023*

Ngày cấp: *24/07/2014*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *234 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 709 Chung cư E1 Tòa Bắc, KĐT Yên Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*